

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2006/NQ-HĐND

Phù Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp
huyện Phù Ninh năm 2006 - 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
KHÓA XX – KỲ HỌP BÁT THƯỜNG**

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-TU ngày 25/11/2005 của BTV Tỉnh ủy Phú Thọ về phát triển tiểu thủ công nghiệp tỉnh Phú Thọ năm 2006 – 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HU ngày 04/4/2006 của BTV Huyện ủy Phù Ninh về việc lãnh đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Phù Ninh giai đoạn (2006 - 2010);
- Sau khi xem xét Tờ trình số: 209/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2006 của UBND huyện Phù Ninh về phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp năm 2006 – 2010 và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành và thông qua Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 25/4/2006 của UBND huyện Phù Ninh về kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp huyện Phù Ninh năm 2006 – 2010. HĐND huyện nhấn mạnh một số nội dung sau:

1. Mục tiêu đến năm 2010:

- Giá trị tổng sản lượng sản xuất (giá cố định 1994) đạt 256.375 triệu đồng
 - Nhịp độ tăng bình quân 24,5%/năm
 - Thu hút thêm 2.500 lao động vào các ngành nghề có tính ổn định đưa tổng số lao động lên trên 6.000 người, có 40% được đào tạo nghề, tỷ lệ lao động tham gia vào các ngành nghề chiếm 40% tổng số lao động nông thôn.
 - Một số sản lượng sản phẩm chủ yếu:
- | | |
|------------------------------|----------------------|
| Sản xuất giấy: | 18.600 tấn |
| Sản phẩm từ giấy: | 3.910 tấn |
| Bột giấy tẩy trắng: | 10.000 tấn |
| Chế biến nông sản thực phẩm: | 69.180 tấn |
| Chế biến lâm sản: | 13.655m ³ |
| Sản phẩm từ kim loại: | 8.000 tấn |
| Khai thác đá, cát, sỏi: | 320.000 tấn |

Gạch nung và không nung:	113 triệu viên
Phân bón vi sinh:	3.000 tấn

* Sản phẩm mới hình thành:

Hộp caston sóng 3 lớp và 5 lớp:	1.400 tấn
Đũa ăn:	500 tấn
Bột giấy không tẩy:	10.000 tấn
Hàng mây tre đan:	1.000.000 sản phẩm
Nông sản chế biến (từ quả):	700 tấn
Măng khô chế biến:	500 tấn

2. Các giải pháp chủ yếu 5 năm (2006 - 2010)

Quy hoạch vùng nguyên liệu theo các tiểu vùng, cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến. Khuyến khích người lao động cùng góp vốn với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cùng phát triển. Hướng dẫn nông dân trong việc lựa chọn giống có chất lượng, năng suất cao, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, thâm canh chăm sóc cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật thu hái, sơ chế bảo quản vận chuyển sau thu hoạch phục vụ cho công nghiệp chế biến.

Khuyến khích thành phần kinh tế từng bước hiện đại hóa hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất phù hợp với khả năng tài chính, trình độ kỹ thuật người lao động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hàng hoá, hạ giá thành sản phẩm, cải tiến mẫu mã nhanh chóng đưa các sản phẩm có lợi thế. Chú trọng những máy móc thiết bị công nghệ đơn giản phù hợp với quy mô sản xuất ở từng hộ gia đình, nhóm hộ để vừa sản xuất vừa gia công các mặt hàng cho các ngành công nghiệp.

Sử dụng mọi nguồn lực lao động trong khu vực nông nghiệp nông thôn, thực hiện đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Ưu đãi khuyến khích các tổ chức cá nhân đào tạo nghề ở nông thôn và đào tạo nghề mới.

Thực hiện quy hoạch, công bố công khai quy hoạch các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề để các nhà đầu tư có thể lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.

Tăng cường công tác tuyên truyền quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 42/NQ-TU của Tỉnh ủy Phú Thọ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI. Đẩy mạnh công tác khuyến công, quan tâm việc nhân cây và truyền nghề mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn. Xây dựng làng nghề và làng có nghề. Điều chỉnh bổ sung các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp theo hướng tách các cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư ở những ngành nghề dễ gây ô nhiễm và tiếng ồn.

Nâng cao khả năng tiếp thị của các cơ sở sản xuất, thực hiện chính sách hỗ trợ thị trường nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm thị trường quảng bá giới thiệu sản phẩm. Đồng thời tăng cường mối liên kết, liên doanh hợp tác với

các doanh nghiệp TW, các cơ sở nghiên cứu khoa học đóng trên địa bàn với các doanh nghiệp, địa phương, nhằm chuyển giao công nghệ thúc đẩy tạo điều kiện cho công nghiệp địa phương phát triển.

Tích cực huy động và khai thác tốt các nguồn vốn, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vốn vào phát triển các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh. Thành lập các quỹ như: Quỹ tín dụng nhân dân, quỹ khuyến công. Thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất tiền vay và thời hạn vay vốn. Hàng năm UBND huyện trích 1% tổng thu ngân sách trên địa bàn để hỗ trợ cho việc dạy nghề, truyền nghề, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm chuyển giao công nghệ mới và tham quan học tập nghề mới.

Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường. Huyện tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường để công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp địa phương phát triển bền vững.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Lựa chọn những giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm UBND huyện báo cáo HĐND huyện về kết quả thực hiện.

Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện kiểm tra, giám sát và thực hiện nghị quyết này.

Đề nghị MTTQ, các tổ chức đoàn thể động viên mọi tầng lớp nhân dân, các cơ sở sản xuất tích cực tham gia phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

Nghị quyết này được HĐND huyện khóa XX, kỳ họp bất thường biểu quyết thông qua, ngày 28 tháng 4 năm 2006.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Cúc (Đã ký)